

Số: 517/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 4, ngày 22 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông VCT, sinh năm 1968;

- Bà TTMN, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: 029 chung cư Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/12/2020, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông VCT và bà TTMN thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường II, thị xã T, tỉnh T cấp ngày 21/4/1997).

[2] Về con chung: Ông T và bà N xác nhận có 02 con chung tên VHA, sinh ngày 16/5/1999 và VTT, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông T và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân gia đình: Bà N tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông VCT và bà TTMN thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân Phường II, thị xã T, tỉnh T cấp ngày 21/4/1997).

- Về con chung: Ông VCT và bà TTMN xác nhận có 02 con chung tên VHA, sinh ngày 16/5/1999 và VTT, sinh ngày 17/9/2002. Cả hai con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông VCT và bà TTMN tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà TTMN tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0035906 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình